TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 13-11-2020
V/v: "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/HNGĐ-PT ngày 06/10/2020 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn".

Do bản án Hôn nhân và gia đình số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2020/QĐ-PT ngày 30/10/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị L, sinh năm 1953 và ông Đặng Văn T1, sinh năm 1952; địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đều có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đặng Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Đinh Thị P trình bày:***

Bà Đinh Thị P và ông Đặng Văn T kết hôn với nhau vào năm 2005, đến năm 2019 hai người ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 67/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2019 của Tòa án

nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình giải quyết ly hôn đối với tài sản và nợ chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà P xác định quá trình chung sống, bà với ông T tạo lập được tài sản chung gồm: Thửa đất số 8154, tờ bản đồ số 32 với diện tích 2877 m^2 (đo thực tế 2.862m^2) có vị trí tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 105431 ngày 21/12/2016 đứng tên ông Đặng Văn T và bà Đinh Thị P, nguồn gốc đất bà P xác định được bố mẹ chồng là ông Đặng Văn T1 và bà Dương Thị L tặng cho. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do ông T quản lý, chưa thế chấp hay cầm cố ở cơ quan, tổ chức nào. Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 với diện tích khoảng 110 m^2 được xây dựng năm 2016 và một số công trình kiến trúc, cây trồng khác.

Nay bà P đề nghị Tòa án phân chia tài sản trên cho bà và ông T, mỗi người ½. Bà đồng ý giao ½ diện tích của thửa đất có nhà ở xây cấp 4 cho ông T sở hữu và ông T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà P ½ giá trị căn nhà và bà nhận ½ diện tích của thửa đất còn lại.

Đối với việc yêu cầu phân chia các cây trồng trên đất bà P rút yêu cầu này, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn ông Đặng Văn T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân và tài sản chung như bà Đinh Thị P trình bày là đúng. Tuy nhiên, nguồn gốc thửa đất số 8154, tờ bản đồ số 32 tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là do bố mẹ đẻ của ông là bà Dương Thị L và ông Đặng Văn T1 tặng cho ông với bà P vào năm 2010 để làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, nay ly hôn thì trả lại đất cho bố, mẹ ông và hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) ông đang giữ. Do đó ông chỉ đồng ý phân chia các tài sản trên thửa đất là 01 căn nhà xây cấp 4 và các công trình xây dựng khác cùng một số cây trồng trên đất và ông có nguyện vọng nhận toàn bộ nhà xây cấp 4 và các công trình xây dựng khác, cây trồng để quản lý, sử dụng và đồng ý thanh toán lại ½ giá trị cho bà P.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L và ông Đặng Văn T1 trình bày:***

Năm 1993bà L với ông T mua thửa đất mà hiện nay bà Đinh Thị P yêu cầu phân chia tài sản chung với ông T. Năm 2010bà L với ông T tặng cho ông T, bà P quyền sử dụng đất này và đã được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 105431 ngày 21/12/2016 đứng tên ông T và bà P. Nay bà P khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung đối với thửa đất nói trên thì bà không đồng ý vì mục đích ông bà tặng cho ông T bà P là để xây dựng kinh tế gia đình trong quá trình sống chung, nay ly hôn thì ông, bà lấy lại diện tích đất đã cho. Đối với yêu cầu về phân chia tài sản trên đất bà không có ý kiến gì vì tài sản trên đất là tài sản chung của ông T và bà P.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình số: 25/2020/HNGĐ-ST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 165, 217, 235, 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 29, 33, 38, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị P về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Đặng Văn T.

1. Về tài sản chung:

- Giao ½ diện tích của thửa đất số 8154, tờ bản đồ 32 tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, với diện tích đo thực tế 1.431m^2 có vị trí tứ cận như sau:

Phía đông giáp đường liên thôn dài 27 m;

Phía tây giáp đường liên thôn dài 27 m;

Phía bắc giáp ½ diện tích đất còn lại của thửa đất số 8154 dài 53 m;

Phía nam giáp đường liên thôn dài 53 m;

Và các tài sản trên đất gồm 01 căn nhà xây cấp 4 không có gác lửng, gồm 03 phòng, cửa chính và cửa sổ, cửa phòng làm bằng gỗ; móng đá hộc; nền lắt gạch men; tường xây gạch trát xi măng, sơn tít; trần làm bằng tôn lạnh, mái lợp tôn và công trình phụ khép kín; 01 bồn nước Inox; 01 giếng khoan sâu 50m; mái che khung sắt, lợp tôn; cửa cổng chính làm bằng sắt, trụ cổng xây bằng gạch ống cao 2,3m cùng các cây trồng trên đất cho ông Đặng Văn T được quyền sở hữu.

Ông Đặng Văn T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Đặng Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị P phần chênh lệch giá trị tài sản chung của nhà xây cấp 4 và các công trình kiến trúc với số tiền tổng cộng **113.065.000** đồng. *(Một trăm mười ba triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*.

- Giao ½ diện tích của thửa đất số 8154, tờ bản đồ 32 tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, với diện tích đo thực tế 1.431m^2 có vị trí tứ cận như sau:

Phía đông giáp đường liên thôn dài 27 m;

Phía tây giáp đường liên thôn dài 27 m;

Phía bắc giáp thửa đất số 8153 (do ông H, bà L1 đang sử dụng) dài 53 m;

Phía nam giáp ½ diện tích đất còn lại của thửa đất số 8154 (đã giao cho ông T) dài 53 m và cây trồng trên đất cho bà Đinh Thị P được quyền sở hữu.

Bà Đinh Thị P có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản là xe máy Air Blade biển kiểm soát 47T1-241.38, xe máy Sirius biển kiểm soát 47P9-5717, 02 dàn máy làm mộc và khoản nợ vay của quỹ tín dụng cao su 40.000.000 đồng và cây trồng trên đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về án phí, tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/8/2020 bị đơn ông Đặng Văn T có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị cho ông T được hưởng phần tài sản nhiều hơn của bà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Đặng Văn T cho rằng nguồn gốc thửa đất số 8154, tờ bản đồ số 32 với diện tích 2.877m^2 (đo thực tế 2.862m^2) tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là của bố mẹ ông tặng cho ông T, bà P nên cấp sơ thẩm chia đôi tài sản này là không khách quan, chưa thoả đáng, cần phải xem xét đến công sức đóng góp của ông T đối với tài sản này và chia cho ông T phần tài sản nhiều hơn bà P. Xét thấy, nguồn gốc thửa đất trên của ông T, bà P được ông T, bà L (bố mẹ của ông T) tự nguyện tặng cho ông T, bà P vào năm 2010, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 105431 ngày 21/12/2016. Mặt khác, ông T, bà P kết hôn

năm 2005, ly hôn tháng 7 năm 2019 nên đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông T, bà P. Quá trình giải quyết vụ án ông T không cung cấp được chứng cứ, chứng minh ông T có công sức đóng góp vào khối tài sản chung nhiều hơn bà P. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn T mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Đặng Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 29, 33, 38, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn T - Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình số: 25/2020/HNGĐ-ST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị P về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Đặng Văn T.

1.1. Giao cho ông Đặng Văn T được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất 1.431m^2 tại thửa đất số 8154, tờ bản đồ 32 tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có vị trí tứ cận như sau:

Phía đông giáp đường liên thôn dài 27 m;

Phía tây giáp đường liên thôn dài 27 m;

Phía bắc giáp ½ diện tích đất còn lại của thửa đất số 8154 dài 53 m;

Phía nam giáp đường liên thôn dài 53 m;

Các tài sản trên đất gồm 01 căn nhà xây cấp 4 không có gác lửng, gồm 03 phòng, cửa chính và cửa sổ, cửa phòng làm bằng gỗ; móng đá hộc; nền lắt gạch men; tường xây gạch trát xi măng, sơn tít; trần làm bằng tôn lạnh, mái lợp tôn và công trình phụ khép kín; 01 bồn nước Inox; 01 giếng khoan sâu 50m; mái che khung sắt, lợp tôn; cửa cổng chính làm bằng sắt, trụ cổng xây bằng gạch ống cao 2,3m cùng các cây trồng trên đất.

- Buộc ông Đặng Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị P phần chênh lệch giá trị tài sản chung của nhà xây cấp 4 và các công trình kiến trúc với số tiền tổng cộng 113.065.000 đồng (Một trăm mười ba triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

1.2. Giao cho bà Đinh Thị P được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản là cây trồng trên diện tích đất 1.431m^2 tại thửa đất số 8154, tờ bản đồ 32 tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có vị trí tứ cận như sau:

Phía đông giáp đường liên thôn dài 27m;

Phía tây giáp đường liên thôn dài 27m;

Phía bắc giáp thửa đất số 8153 (do ông Đinh Khánh H, bà Nguyễn Thị Hải L1 đang sử dụng) dài 53m;

Phía nam giáp ½ diện tích đất còn lại của thửa đất số 8154 (đã giao cho ông T) dài 53m ;

Ông Đặng Văn T và Đinh Thị P có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản là xe máy Air Blade biển kiểm soát 47T1-241.38, xe máy Sirius biển kiểm soát 47P9-5717, 02 dàn máy làm mộc và khoản nợ vay của quỹ tín dụng cao su 40.000.000 đồng và cây trồng trên đất.

2. Về án phí.

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đinh Thị P phải chịu 5.431.000 đồng (Năm triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 10.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0006980 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Bà P được nhận lại 5.069.000 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đặng Văn T phải chịu 10.862.000 đồng (mười triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông Đặng Văn T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0010963 ngày 08/08/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Ông Đặng Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đinh Thị P 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung